| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 220/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-4-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Ngọc Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Lê Cao Trí, bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên toà:*** Ông Huỳnh Hoàng Vũ - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 207/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1959; nơi cư trú: Tổ 06, ấp My, xã V, thành phố C, tỉnh A (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị N, sinh ngày 15/8/1966; nơi cư trú: Tổ 07, ấp L, xã Vĩ, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Ông với bà Phan Thị N tự nguyện chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, chung sống với nhau từ năm nào thì không nhớ. Từ đó đến nay ông với bà Phan Thị N không đăng ký kết hôn theo pháp luật. Ông với bà Phan Thị N chung sống với nhau có 02 người con, gồm: một con trai đã chết năm 11 tuổi và một con gái tên Phan Thị Diễm Mi sinh ngày 21/02/2000. Ông với bà Phan Thị N chung sống với nhau khoảng 4 năm mới có con trai, con trai lớn hơn con gái 05 tuổi. Ông với bà Phan Thị N không chung sống với nhau từ khoảng năm 2005 hoặc năm 2006 đến nay. Hiện nay ông vẫn chưa đăng ký kết hôn với ai khác. Tình cảm vợ chồng ông không còn, không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị N hững.

Con chung của ông với bà Phan Thị N là Phan Thị Diễm M sinh ngày 21/02/2000 hiện nay đã thành niên, có khả năng lao động. Ông với bà Phan Thị N không có tài sản chung, nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn bà Phan Thị N trình bày:*

Bà với Ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng khi bà đã được khoảng 21 hoặc 22 tuổi nhưng không đăng ký kết hôn. Từ đó đến nay bà với ông Phan Văn Đức không đăng ký kết hôn theo pháp luật. Bà với Ông Nguyễn Văn Đ có 02 người con, gồm: một con trai đã chết năm 11 tuổi và một con gái tên Phan Thị Diễm Mi sinh ngày 21/02/2000. Bà với Ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau khoảng 3 đến 04 năm mới sinh con trai, 05 năm sau thì tiếp tục sinh con gái. Con gái Phan Thị Diễm M được khai sinh đúng năm sinh. Sau khi con trai bà chết năm 11 tuổi thì bà với ông Đ không chung sống với nhau cho đến nay. Hiện nay bà không đăng ký kết hôn với ai khác. Tình cảm vợ chồng bà không còn, không thể hàn gắn được, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên đồng ý ly hôn với Ông Nguyễn Văn Đ.

Con chung tên Phan Thị Diễm M sinh ngày 21/02/2000 đã thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà với ông Phan Văn Đư không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại phiên toà:*

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ với bà Phan Thị N tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1989 đến nay không đăng ký kết hôn, có con trai đã chết năm 11 tuổi và con gái tên Phan Thị Diễm M sinh ngày 21/02/2000 đã thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị N. Bà Phan Thị N đồng ý ly hôn với Ông Nguyễn Văn Đ. Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau đã lâu nên Ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu ly hôn bà Phan Thị N. Bà Phan Thị N đồng ý ly hôn với Ông Nguyễn Văn Đ. Do ông Đức và bà Những chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N. Ông Nguyễn Văn Đ với bà Phan Thị N có con chung là Phan Thị Diễm Mi sinh ngày 21/02/2000 đã thành niên và có khả năng lao động. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Nguyên đơn Ông Nguyễn Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn. Bị đơn bà Phan Thị N cư trú tại xã V, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn và giải quyết vụ án là đúng theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ sau năm 1987 nhưng ông Đ và bà N không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Giấy khai sinh số 91 ngày 24/6/2002 thể hiện Phan Thị Diễm M, sinh ngày 21/02/2000 có tên cha là Nguyễn Văn Đư, tên mẹ là Phan Thị N. Vậy, Phan Thị Diễm M, sinh ngày 21/02/2000 là con chung của Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N hững.

[2.2] Tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng". Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Ông Nguyễn Văn Đ với bà Phan Thị N chung sống với nhau như vợ chồng từ sau năm 1987, có 01 con chung tên Phan Thị Diễm M, sinh ngày 21/02/2000 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Vậy, Ông Nguyễn Văn Đ với bà Phan Thị N không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[2.3] Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu ly hôn với bà Phan Thị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N hững.

[2.4] Con chung giữa Ông Nguyễn Văn Đ với bà Phan Thị N là Phan Thị Diễm M, sinh ngày 21/02/2000 đã thành niên, có khả năng lao động. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N thống nhất không có tài sản chung, không nợ chung ai; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Trường hợp nếu có tranh chấp liên quan đến tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do Ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N có con chung tên Phan Thị Diễm M, sinh ngày 21/02/2000 đã thành niên, có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0005436 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Ông Nguyễn Văn Đ và bà Phan Thị N là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- UBND cấp xã nơi đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Điệp**